

Số: 5477127

|                                            | Kia New Sorento 2.2D Signature AWD (Tùy chọn màu nội thất) | KIA NEW SORENTO 1.6 TURBO HEV SIGNATURE |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.449.000.000đ                                             | 1.349.000.000đ                          |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                            |                                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4815 x 1900 x 1700                                         | 4.815 x 1.900 x 1.700                   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                                       | 2.815                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                                       |                                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                                        | 176                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                                        |                                         |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                         | 67                                      |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                          | 7                                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                           |                                         |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                            |                                         |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                           | SmartStream 1.6T HEV                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                                       |                                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                                                   | 232 hp (Kết hợp)                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750                                              | 367 Nm (Kết hợp)                        |
| Hộp số                                     | 8DCT                                                       | Tự động 6 cấp (6AT)                     |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu AWD                                                  | Cầu trước (FWD)                         |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                                  |                                         |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                           |                                         |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                        |                                         |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                        |                                         |
| Thông số lốp xe                            | 255/45 R20                                                 | 235/55 R19                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.5                                                        |                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.2                                                        |                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6                                                          |                                         |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                                    | Comfort, Eco, Sport, Smart              |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand/                                             | -                                       |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                            |                                         |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                              | LED Projector                           |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                          | ●                                       |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                          | ●                                       |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                          | ●                                       |
| Đèn sương mù                               | LED                                                        |                                         |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                        | LED                                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                          | ●                                       |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                          | ●                                       |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                          | Panorama                                |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                            |                                         |
| Vô lăng bọc da                             | ● + sưỡi                                                   | ●                                       |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                         | Da                                      |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                          | ●                                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                          | ●                                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                          | ●                                       |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ● (+ sưỡi hàng ghế 2, vô lăng)                             | ●                                       |

|                                                 |                                                      |                   |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | ●                                                    | ●                 |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                                                    |                   |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 12.3"                                                | 12.3              |
| Màn hình HUD                                    | ●                                                    | ●                 |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 12.3                                                 | 12.3              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                                                    | Không dây         |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                                                    | ●                 |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | Tự động 2 vùng độc lập                               | 2 vùng độc lập    |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                                                    | ●                 |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                                                    | ●                 |
| Khởi động nút bấm                               | ●                                                    | ●                 |
| Khởi động từ xa                                 | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống âm thanh                               | 12 loa Bose                                          | 12 loa Bose       |
| Lấy chuyển số                                   | ●                                                    | ●                 |
| Sạc không dây Qi                                | ●                                                    | ●                 |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                                                    | ●                 |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                                                    | ●                 |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●                                                    | ●                 |
| Rèm che nắng                                    | ●                                                    | ●                 |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                                                    | ●                 |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                                                      |                   |
| Số túi khí                                      | 6                                                    | 06                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                                    | ●                 |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                                    | ●                 |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau                                          | Trước, sau & hông |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù)         | ●                 |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm)                           | ●                 |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● FCA 2.0                                            | ●                 |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                                                    | ●                 |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                                    | ●                 |
| Camera lùi                                      | Camera 360                                           | Camera 360        |
| Khác                                            | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |                   |